

# Truyền hình bằng tiếng Tày - Nùng ở Việt Nam

Nguyễn Thị Nhung<sup>1</sup>

<sup>1</sup> Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên.  
Email: nhungspn@gmail.com

Nhận ngày 6 tháng 3 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 5 tháng 5 năm 2019.

**Tóm tắt:** Hoạt động truyền hình bằng tiếng Tày - Nùng là một hoạt động truyền thông cơ bản, phục vụ được rất đông đảo đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS). Hình thức và nội dung chương trình truyền hình tiếng Tày - Nùng của các đài phát thanh - truyền hình (PT-TH) đã có nhiều đổi mới, song vẫn còn tồn tại những bất cập, hạn chế. Vì vậy, cần có những giải pháp nâng cao chất lượng các chương trình truyền hình tiếng Tày - Nùng ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** Tiếng Tày - Nùng, truyền hình, Việt Nam.

**Phân loại ngành:** Báo chí học

**Abstract:** Television broadcasting in the languages of Tay and Nung ethnic minority groups is a fundamental activity of communication, serving a large number of ethnic minority people. The form and content of the television programmes broadcast in the languages by radio and television stations have been strongly renovated, but there are still inadequacies and limitations. Therefore, measures should be taken to improve the quality of television programmes in Vietnam today.

**Keywords:** Tay and Nung languages, television broadcasting, Vietnam.

**Subject classification:** Journalism

## 1. Mở đầu

Truyền hình là loại hình truyền thông quan trọng, phổ biến, có lượng khán giả vượt trội so với các loại hình truyền thông khác ở Việt Nam hiện nay. Dân tộc Tày và dân tộc Nùng có số dân thuộc nhóm đông nhất trong số các DTTS của Việt Nam. Hai dân tộc này chủ yếu cư trú ở miền Bắc, có ảnh

hưởng lớn (trong đó có ảnh hưởng về ngôn ngữ) đến các dân tộc khác sống cùng khu vực. Dân tộc Tày và dân tộc Nùng có nhiều điểm gần gũi nhau về ngôn ngữ, văn hóa nghệ thuật, văn hóa tâm linh. Ở những nơi có cả người Tày và người Nùng sinh sống, ngôn ngữ ở nhiều người Tày có thể pha tiếng Nùng và ngược lại. Bộ chữ Tày - Nùng dùng chung cho hai dân tộc dựa trên

cơ sở chữ Latinh ra đời từ năm 1960. Từ đó, hình thành khái niệm “tiếng Tày - Nùng” dùng trong giáo dục phổ thông, và ở đài phát thanh Khu tự trị Việt Bắc một thời cùng với một số đài PT-TH hiện nay. Nghiên cứu về truyền hình tiếng Tày - Nùng có tầm quan trọng đặc biệt, có liên quan đến cả hai lĩnh vực là khoa học báo chí và khoa học ngôn ngữ. Nghiên cứu này dựa trên việc khảo sát, phỏng vấn 11 người làm chương trình thuộc Đài PT-TH Lạng Sơn, Cao Bằng; khảo sát, phỏng vấn 105 người Tày, Nùng ở Lạng Sơn, Cao Bằng về việc tiếp nhận truyền hình tiếng Tày - Nùng. Bài viết\* này phân tích thực trạng truyền hình tiếng Tày - Nùng; nêu những thách thức và đề xuất giải pháp góp phần nâng cao chất lượng truyền hình tiếng Tày - Nùng ở Việt Nam hiện nay.

## 2. Thực trạng truyền hình tiếng Tày - Nùng

### 2.1. Hình thức truyền hình tiếng Tày - Nùng

*Thứ nhất*, về thể loại, các chương trình tiếng Tày - Nùng không được phát hàng ngày, các thông tin đưa ra không thể đảm bảo tính thời sự nên thể loại được sử dụng phổ biến là phóng sự. Chương trình truyền hình tiếng Tày - Nùng của Đài PT-TH Lạng Sơn chỉ phát các phóng sự. Mỗi chương trình phát 6-7 phóng sự. Những phóng sự này phục vụ cho các chuyên mục cụ thể, ngoài ra có thêm một chương trình văn nghệ 30 phút. Chương trình truyền hình tiếng Tày - Nùng của Đài PT-TH Cao Bằng và Đài PT-TH Bắc Kạn dùng cả thể loại tin và thể loại phóng sự. Ở Đài PT-TH Cao Bằng, mỗi chương trình có khoảng 3-4 tin,

bài. Các phóng sự thường dài hơn các phóng sự của Đài PT-TH Lạng Sơn và không được xếp vào các chuyên mục. Chương trình truyền hình tiếng Tày - Nùng của Đài PT-TH Bắc Kạn (gọi là Tạp chí *Dân tộc và Phát triển*) gồm khoảng 3 đến 4 phóng sự, cuối chương trình, có thêm mục *Văn nghệ* (khoảng 5-8 phút).

*Thứ hai*, về kết cấu, ngoài phần hình hiệu chương trình (30 giây), phần phát thanh viên chào kết (15 giây) thì phần còn lại của các đài không giống nhau. Ở Đài PT-TH Lạng Sơn, sau hình hiệu có 30 giây cho việc giới thiệu các nội dung chính của chương trình. Sau đó là hình hiệu các chuyên mục. Các chuyên mục này được phân phối theo số buổi trong tuần. Mỗi chuyên mục được thể hiện qua một vài phóng sự. Mỗi phóng sự bắt đầu bằng sự xuất hiện của hình ảnh phát thanh viên (Bảng 1).

Ở Đài PT-TH Bắc Kạn, sau phần hình hiệu có phần giới thiệu nội dung chính, không có các chuyên mục. Ở Đài PT-TH Cao Bằng, thiếu phần giới thiệu nội dung chính, cũng không có các chuyên mục; mỗi tin, bài được đánh dấu bằng sự xuất hiện trở lại của hình ảnh phát thanh viên.

Như vậy, thể loại được sử dụng trong các chương trình truyền hình tiếng Tày - Nùng chưa phong phú, còn vắng bóng những thể loại có chất tư duy, trí tuệ, lí luận cao như nhóm báo chí chính luận (xã luận, bình luận, điều tra, phê bình) hay các thể loại có tính sinh động hơn (tiểu phẩm báo chí, câu chuyện báo chí...). Kết cấu chương trình của Đài PT-TH Lạng Sơn phong phú, sáng rõ; ở các đài còn lại, chưa thật sáng rõ, còn khiến người xem khó theo dõi.

*Thứ ba*, về hình thức lời bình. Qua khảo sát, ngữ âm không được nhiều người quan tâm, tỉ lệ người được hỏi đánh giá tích cực dưới 50% (Bảng 2).

Bảng 1: Các chuyên mục trong truyền hình tiếng Tày - Nùng của Đài PT-TH Lạng Sơn [5]

STT	Tên chuyên mục (tiếng Việt)	Tên chuyên mục (tiếng Tày- Nùng)	Phân bố
1	Đảng trong cuộc sống hôm nay	Tảng có Đảng chang sli tối máu	Thứ ba
2	Thông tin thị trường vùng cao	Pi noọng chang bản khai dự của cái	Thứ ba
3	Gốc tích quê hương	Cốc co bản cón	Thứ ba
4	Pháp luật với bà con	Pi noọng xa chắc mùa pháp luật	Thứ ba
5	Tiếng nói từ thôn bản	Slim châu của cần kha bản	Thứ năm
6	Cùng làm nông nghiệp	Xây căn đăm chay, khun chượng	Thứ năm
7	Nét đẹp làng quê	Bản cón đây mjác	Thứ năm
8	Những bài thuốc hay trong dân gian	Ký co nhà chỏi pinh	Thứ năm
9	Nông thôn đổi mới	Bản cón lâu tối máu	Thứ bảy
10	Vì chủ quyền an ninh biên giới	Ngòi chượng đin ti biên chái	Thứ bảy
11	Âm thực xứ Lạng	Ký thành của kin Xứ Lạng	Thứ bảy
12	Gương sáng bản làng	Đuông bjoóc đây của bản (Boong cương của bản )	Thứ bảy

Bảng 2: Nhận xét về giọng của phát thanh viên trong các chương trình truyền hình tiếng Tày - Nùng [5]

Thực trạng/ Các nhóm	Tốc độ			Giọng chuẩn		Hay		Có pha giọng	
	Nhanh	Chậm	Vừa	Đúng	Không	Đúng	Không	Đúng	Không
Đài VTV5	18	11	33	49	1	30	3	34	12
Đài tỉnh	17	9	35	48	8	51	3	23	18
Tổng 2 nhóm	35	20	68	97	9	81	6	57	30
Tỉ lệ (%)	17	9,5	32	46	4,3	39	2,9	27	14

Ở các đài PT-TH tỉnh, giọng phát thanh viên gần gũi với người dân hơn nên nhìn chung được đánh giá tốt hơn. Đa số người được phỏng vấn cho rằng, giọng của phát

thanh viên người Tày hay người Nùng ở đây đều không còn thuần là âm Tày hay Nùng nữa, mà đã bị pha giữa hai ngôn ngữ, hoặc đã pha giọng Kinh.

Bảng 3: Nhận xét về từ ngữ trong các chương trình truyền hình tiếng Tày - Nùng [5]

Thực trạng/ Các đài	Dễ hiểu		Chính xác		Nhiều từ ngữ vay mượn	
	Đúng	Không đúng	Đúng	Không đúng	Đúng	Không đúng
VTV5	56	7	67	4	51	7
Đài tỉnh	60	2	42	1	43	5
Tổng 2 nhóm	116	9	109	5	94	12
Tỉ lệ (%)	55,2	4,3	52,0	2,4	44,8	5,7

Bảng 3 cho thấy, hầu hết người được hỏi đều cho rằng, từ ngữ vay mượn trong các chương trình còn nhiều. Xét theo cấp truyền thông thì đài địa phương có thể mạnh hơn về tính dễ hiểu và ít từ ngữ vay mượn,

nhưng đài trung ương lại có thể mạnh về tính chính xác trong việc sử dụng từ ngữ. Phương diện được đồng bào Tày, Nùng đánh giá cao nhất là việc dùng câu.

Bảng 4: Tự đánh giá của người làm chương trình truyền hình tiếng Tày - Nùng về cách sử dụng ngôn ngữ [5]

Các phương diện		Tốt	Trung bình	Chưa tốt
Ngữ âm	a. Độ chính xác	4	7	0
	b. Tính truyền cảm	5	6	0
Từ vựng	a. Từ ngữ vay mượn	0	10	1
	b. Tính sinh động, giàu hình ảnh	4	6	1
Câu - ngữ pháp	a. Đúng ngữ pháp	8	2	1
	b. Câu ngắn gọn, súc tích	5	5	1
Diễn ngôn	a. Chặt chẽ	4	6	1
	b. Kết cấu không đơn điệu	3	7	1
Phong cách	a. Phù hợp với cách nói năng của đồng bào	7	3	1
	b. Phù hợp với nội dung nói	6	4	1
Tổng		46/110	56/110	8/110
Tỉ lệ (%)		41,8	50,9	7,3

Bảng 4 cho thấy, những người được hỏi không đánh giá cao hình thức của lời bình trong các chương trình mà mình sản xuất. Trong đó, tiêu chí được đánh giá cao hơn cả cũng là tính đúng ngữ pháp của câu, tính phù hợp cách nói năng của đồng bào ở mặt phong cách ngôn ngữ. Đây là sự đánh giá thống nhất với sự đánh giá của người tiếp nhận. Các Đài PT-TH Lạng Sơn, Cao Bằng có dùng phụ đề tiếng Việt, điều này tạo điều kiện cho những người Tày - Nùng chưa thạo tiếng mẹ đẻ có thể hiểu được nội dung chương trình, đối chiếu phần chữ với phần lời để tra cứu tiếng mẹ đẻ. Tuy vậy, Đài PT-TH Bắc Kạn lại thiếu phần phụ đề này.

## 2.2. Nội dung của các chương trình truyền hình tiếng Tày - Nùng

Nội dung chương trình truyền hình tiếng Tày - Nùng của Đài PT-TH Lạng Sơn đã mang tính toàn diện. Tuy nhiên, trong chương trình truyền hình tiếng Tày - Nùng của các đài tỉnh nói chung, nội dung nổi bật được thể hiện là thông tin về mọi mặt của địa phương. Đài PT-TH Lạng Sơn và Đài PT-TH Bắc Kạn có thêm chương trình văn nghệ. Ở những đài khác, việc phổ biến kiến thức, thông tin về chính sách, pháp luật chưa được chú trọng. Các thông tin trên cùng những thông tin thời sự đất nước, kinh nghiệm làm giàu, kỹ năng sống có thể được thể hiện rải rác qua các tin bài (Bảng 5).

Bảng 5: Hứng thú của người tiếp nhận với nội dung các chương trình truyền hình tiếng Tày - Nùng [5]

Mức độ/ Nội dung	Rất thích		Thích		Không thích	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Tin tức thời sự đất nước	58	27,6	44	21,0	0	
Tin tức thời sự địa phương	60	28,6	39	18,6	1	0,1
Kỹ thuật nông nghiệp	42	20,0	40	19,0	5	0,6
Kinh nghiệm làm giàu	44	21,0	40	19,0	5	0,6
Chính sách, pháp luật	51	24,3	43	20,5	1	0,1
Sức khỏe	61	29,0	54	25,7	0	0,0
Kỹ năng sống	41	19,5	38	18,1	4	0,5
Văn hóa, văn nghệ	60	28,6	33	15,7	0	0,0
Tổng	417/840	49,6	331/840	39,4	16/840	1,9

Có tới 89% người được hỏi vẫn yêu thích các nội dung trong chương trình, hơn nữa trong số đó còn rất thích chương trình này. Tri thức về cách bảo vệ sức khỏe; văn hóa, văn nghệ; tin tức thời sự địa phương; tin tức

thời sự đất nước là những nội dung được yêu thích hơn cả. Kỹ thuật nông nghiệp, kinh nghiệm làm giàu, kỹ năng sống là những nội dung chỉ liên quan hoặc chỉ phù hợp với một bộ phận người dân (người làm nông nghiệp,

người còn sức lao động, hay những người còn trẻ) nên số người yêu thích ít hơn.

Tuy nhiên, theo những người làm chương trình truyền hình tiếng Tày - Nùng,

thì nội dung thông tin của chương trình chưa phải đã có được chất lượng cao nhất (Bảng 6).

Bảng 6: Tự đánh giá của người làm chương trình truyền hình tiếng Tày - Nùng về chất lượng nội dung các chương trình [5]

Yêu cầu	Tốt	Trung bình	Chưa tốt
a- Hướng về cơ sở, chú trọng sự kiện, thông tin thời sự và những thông tin về đời sống dân sinh của đồng bào DTTS	6	5	0
b- Tuyên truyền các chủ trương, chính sách dân tộc và việc thực hiện chính sách dân tộc, gắn với mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh	8	3	0
c- Thông tin chỉ dẫn mang tính khoa giáo về khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, y tế, sức khỏe gắn với địa phương, đặc điểm văn hóa của đồng bào	6	5	0
d- Nhìn nhận, đánh giá, giải quyết các vấn đề phù hợp với đặc điểm tâm lý, truyền thống dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo của từng đối tượng đồng bào	3	6	2
e- Chú trọng biểu dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến, nhân tố tích cực trên các lĩnh vực đời sống trong vùng dân tộc	9	2	0
f- Ca nhạc, giải trí có chất lượng, phù hợp nhu cầu của đồng bào	5	4	2
Tổng	37/66	25/66	4/66
Tỉ lệ (%)	56,1	37,9	6,0

Nhìn chung, nội dung biểu dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến, nhân tố tích cực được chú trọng. Tiếp theo là việc tuyên truyền các chủ trương, chính sách dân tộc và việc thực hiện chính sách dân tộc, gắn với mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh. Việc nhìn nhận, đánh giá, giải quyết các vấn đề phù hợp với đặc điểm tâm lý, truyền thống dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo của từng đối tượng đồng bào còn chưa thật tốt. Việc hướng về cơ sở, chú trọng sự kiện, thông tin thời sự và những thông tin về đời sống dân sinh của đồng bào DTTS và việc thông tin chỉ dẫn

mang tính khoa giáo về khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, y tế, sức khỏe gắn với địa phương, đặc điểm văn hóa của đồng bào mới chỉ đạt được phần nào. Tiêu chí ca nhạc, giải trí có chất lượng, phù hợp nhu cầu của đồng bào cũng còn hạn chế.

### 3. Những thách thức truyền hình tiếng Tày - Nùng

*Thứ nhất*, kinh phí hạn chế. Hiện nay, các nhà đài đang chuyển sang cơ chế tự chủ về tài chính, điều kiện kinh phí cho việc sản

xuất các chương trình, bồi dưỡng và phát triển nhân lực của các phòng trong mỗi đài đều hạn chế. Các phòng Tiếng dân tộc càng khó khăn hơn vì các phòng này hầu như không có điều kiện cải thiện thu nhập, trong khi cần những đầu tư đáng kể cho việc đi lấy tin bài ở địa bàn vùng cao. Đây là nguyên nhân khiến chương trình truyền hình tiếng Tày – Nùng không được mở rộng về thời lượng, tần suất, không được ưu tiên về khung giờ phát sóng. Không có lương chi trả khiến biên chế người làm việc bị thu hẹp, công việc căng thẳng, người làm ít được bồi dưỡng chuyên môn. Các đài thiếu phóng viên người Tày, Nùng để có thể lựa chọn, nhìn nhận, đánh giá, giải quyết các vấn đề phù hợp với đặc điểm tâm lý, truyền thống của đồng bào. Thậm chí có đài, phát thanh viên không có điều kiện dịch trước, phải đọc từ tiếng Việt sang tiếng Tày - Nùng trong lúc lên sóng. Chế độ đãi ngộ thấp cũng dẫn tới tình trạng năng lực, tâm huyết của người làm không được phát huy tốt, kéo theo những hạn chế về chất lượng, hiệu quả chương trình.

*Thứ hai*, tiếp nhận chương trình bằng tiếng mẹ đẻ. Thách thức đặt ra với truyền hình tiếng Tày - Nùng là sự mai một ngôn ngữ Tày, Nùng ở lớp trẻ, chữ viết chưa phổ biến. Do không nắm vững ngôn ngữ nên nhiều người, nhất là lớp trẻ không mặn mà tiếp nhận các chương trình truyền hình bằng tiếng mẹ đẻ. Các biên dịch viên, phát thanh viên chủ yếu cũng là những người còn trẻ, vốn ngôn ngữ mẹ đẻ còn hạn chế, hầu hết không biết chữ Tày - Nùng, lại từng thoát li bản làng để đi học tập lâu dài; trong khi, để làm tốt chương trình, họ còn phải thạo cả hai thứ tiếng Tày và Nùng. Người kiểm duyệt chương trình không biết tiếng Tày - Nùng thường đòi hỏi tin bài phải được viết bằng tiếng Việt. Điều đó hạn chế việc

phóng viên người Tày, Nùng có thể viết tin, bài bằng ngôn ngữ của dân tộc mình, để sử dụng đạt chuẩn hơn, mềm mại hơn, và bớt được khâu dịch thuật.

#### **4. Giải pháp nâng cao chất lượng truyền hình tiếng Tày - Nùng**

Đối với các cấp lãnh đạo truyền thông DTTS, cần có sự nhận thức rõ và đúng đắn về tầm quan trọng của chương trình, trên cơ sở đó có được những chính sách phù hợp. Ở cấp trung ương có thể có chương trình chuyên Tày và chuyên Nùng nhưng ở cấp tỉnh trở xuống, nên có chủ trương duy trì, mở rộng truyền hình tiếng Tày - Nùng tới tất cả các tỉnh có đông đảo người của cả hai dân tộc này. Vì việc dùng ngôn ngữ chung giúp tiết kiệm nhân lực, vật lực và phục vụ được đông đảo đồng bào của hai dân tộc Tày - Nùng cùng nhiều dân tộc khác sống xen kẽ, biết tiếng Tày - Nùng. Nên khuyến khích mở rộng truyền hình tiếng Tày - Nùng tới cấp huyện. Kết quả khảo sát cho thấy, truyền hình nói riêng, truyền thông dân tộc nói chung càng ở cấp thấp càng có hiệu quả vì sự gần gũi của ngôn ngữ, sự thiết thực của nội dung.

Đầu tư hơn nữa trang thiết bị kỹ thuật, phương tiện làm việc cho các đài, đặc biệt là cho các phòng Tiếng dân tộc; tăng cường chất lượng phát sóng, diện phủ sóng tới vùng sâu, vùng xa cho các đài.

Có chế độ đãi ngộ phù hợp với tính chất công việc của người làm chương trình Tiếng dân tộc; quan tâm hơn tới công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí cho họ.

Có hình thức giảng dạy, bồi dưỡng tiếng mẹ đẻ cho người DTTS, trong đó có lớp trẻ

người Tày, Nùng; và người làm công tác truyền thông bằng tiếng Tày - Nùng.

Đối với các Đài PT-TH, cần sự quan tâm đầu tư hơn nữa của lãnh đạo Đài đối với chương trình và sự nỗ lực của mỗi người thực hiện. Cần ưu tiên về biên chế phóng viên, biên dịch viên, phát thanh viên người Tày, Nùng cho phòng Tiếng dân tộc, quan tâm xây dựng đội ngũ kiểm thính viên, cộng tác viên cho chương trình. Ưu tiên về khung giờ phát sóng để bà con có thể theo dõi được, và tăng cường tần suất, thời lượng hơn nữa cho các chương trình truyền hình tiếng Tày - Nùng. Cần có sự đầu tư hơn cho việc thực hiện chương trình theo các thể loại, hình thức phong phú; tăng cường các hình thức tương tác; tăng cường tính chuẩn mực, tính hấp dẫn của việc sử dụng ngữ âm, từ ngữ, diễn đạt câu để tạo sự sinh động, mới mẻ cho các chương trình. Tăng cường tính chuyên biệt cho nội dung, bổ sung các chuyên mục, đổi mới nội dung bằng cách giảm bớt các tin lễ tân, hội họp hoặc nếu có, chỉ nên đưa ngắn gọn, đưa những thông tin thực sự có ý nghĩa với công chúng, phù hợp với tâm lý tiếp nhận của đồng bào; tăng cường các tin có vấn đề, được công chúng quan tâm; đi sâu phản ánh những vấn đề khó khăn, bức xúc trong đời sống xã hội vùng đồng bào Tày - Nùng; có những đề xuất, kiến nghị để các cấp các ngành có liên quan có giải pháp tháo gỡ, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào DTTS.

## 5. Kết luận

Các chương trình truyền hình tiếng Tày - Nùng đã đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của đồng bào DTTS. Tuy nhiên, trên thực tế truyền hình tiếng Tày - Nùng còn

nhiều bất cập. Nhiều chương trình truyền hình tiếng Tày - Nùng thiếu sự đa dạng, chất lượng một số chương trình chưa cao, tính hiệu quả và tương tác còn yếu. Các cấp có thẩm quyền, các ngành có liên quan cần thực hiện nhiều giải pháp mang tính đồng bộ để tăng cường tính hiệu quả, của các chương trình truyền hình tiếng Tày - Nùng, góp phần vào sự phát triển bền vững vùng đồng bào DTTS trên đất nước Việt Nam.

## Chú thích

\* Bài viết là kết quả nghiên cứu Đề tài cấp Nhà nước: Hoạt động truyền thông bằng ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam, mã số: ĐTDLXH-02/18.

## Tài liệu tham khảo

- [1] Trần Trí Dõi (2016), *Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Văn Dũng (2012), *Cơ sở lý luận báo chí*, Nxb Lao động, Hà Nội.
- [3] Lí Thị Hà (2018), Đề tài khoa học “*Một số đặc điểm ngôn ngữ trong chương trình Tiếng Tày - Nùng của Đài phát thanh - truyền hình tỉnh Cao Bằng*”, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên.
- [4] Nguyễn Hữu Hoành (Chủ biên) (2012), *Ngôn ngữ, chữ viết các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (Những vấn đề chung)*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Thị Nhung (2018), *Khảo sát, điều tra về truyền hình tiếng Tày - Nùng tại hai tỉnh Lạng Sơn và Cao Bằng*.
- [6] Viện dân tộc học (2014), *Các dân tộc ít người ở Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

